THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 10, 2025

KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Results for Academic Semester 1 year 2024-2025

Lớp: 9/1
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Toán *Math*	Ngữ văn *Literature*	Ngoại ngữ - Tiếng Anh *Foreign language - English*	GDCD *Civics Education*	Công nghệ *Technology*	Tin học *Computer Science*	Khoa học Tự nhiên *Natural Siences*	Lịch sử và địa lý *History & Geography*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Nghệ thuật *Arts*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp *Vocational & Experiential Learning Activities*	Kết quả xếp loại và thi đua *Ranking*	
													Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Phạm Minh Anh	9.4	8.5	8.0	9.0	9.7	9.9	8.7	10	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
2	Nguyễn Bùi Đức	8.9	7.2	6.3	7.1	7.6	8.7	6.5	8.4	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
3	Nguyễn Đức Hoàng	7.7	7.3	5.5	7.1	8.1	8.0	6.5	6.8	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
4	Trần Nguyễn Vân Linh	9.1	8.3	6.5	8.6	9.2	9.4	8.2	9.8	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
5	Dương Đỗ Hồng Long	8.4	8.2	7.0	8.4	8.6	9.2	7.8	7.5	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
6	Nguyễn Khánh Bảo Ngọc	9.2	8.2	9.5	9.3	8.7	8.9	9.3	9.3	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
7	Trần Khánh Ngọc	8.0	8.5	7.1	8.5	9.3	9.1	7.7	8.6	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
8	Thân Ngọc Thảo Nhi	8.6	8.2	6.6	8.3	9.1	8.6	8.7	9.2	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
9	Nguyễn Thái Sơn	5.6	6.7	4.8	6.5	6.4	7.7	6.0	8.0	Đạt	Đạt	Đạt	**Đạt**	**Tốt**
10	Phạm Minh Thư	9.4	8.1	7.0	8.4	8.4	9.1	7.5	9.4	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
11	Nguyễn Bảo Trâm	9.1	8.7	8.1	8.2	9.5	9.4	8.4	9.6	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
12	Bùi Minh Triết	8.0	8.4	5.0	7.0	8.0	7.7	7.3	7.8	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
13	Nguyễn Ngọc Yến Vy	8.0	8.1	6.5	9.0	8.6	9.0	7.2	7.6	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**

GVCN/*Class Teacher*	GĐCTVN/*VP. Manager*	Kiểm tra/*Checked by*
Nguyễn Thị Thuỳ Duyên	Phan Thị Phương	Văn Thị Thiên Hà

THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 10, 2025

KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Results for Academic Semester 1 year 2024-2025

Lớp: 9/2
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Toán *Math*	Ngữ văn *Literature*	Ngoại ngữ - Tiếng Anh *Foreign language - English*	GDCD *Civics Education*	Công nghệ *Technology*	Tin học *Computer Science*	Khoa học Tự nhiên *Natural Siences*	Lịch sử và địa lý *History & Geography*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Nghệ thuật *Arts*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp *Vocational & Experiential Learning Activities*	Kết quả xếp loại và thi đua *Ranking*	
													Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Hồ Thị Ngọc Bích	8.1	7.6	8.0	8.9	8.4	9.2	8.2	9.3	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
2	Trương Hiệp Bình	8.7	8.7	5.3	9.1	9.1	9.2	7.4	9.6	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
3	Nguyễn Trọng Hiếu	9.0	6.3	7.7	8.9	7.4	7.6	6.6	6.5	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
4	RYCZKO KHANG KAZIK	8.7	7.1	8.8	6.9	8.1	9.1	7.2	7.5	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
5	Cao Nguyễn Minh Khải	9.0	7.0	8.3	8.1	8.1	8.8	7.4	7.4	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
6	Trần Xuân Khoa	10	9.1	9.0	8.9	9.7	9.7	9.0	9.3	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
7	Hà Lưu Chi Mai	9.7	9.2	8.2	8.8	9.6	9.6	8.6	9.7	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
8	Thái Bá Dương Minh	8.9	8.3	7.0	8.1	8.8	8.6	7.7	8.9	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
9	Nguyễn Phương Nghi	9.3	8.1	6.8	8.1	9.4	9.4	8.8	8.9	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
10	Hoàng Bảo Ngọc	9.6	8.8	8.3	9.1	10	9.3	9.5	9.6	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
11	Nguyễn Khôi Nguyên	9.9	8.9	9.3	9.7	9.6	9.9	9.6	9.9	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
12	Lê Tiến Phát	8.4	7.7	8.3	8.5	8.5	8.8	8.2	8.4	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
13	Hồ Viết Phi	9.1	7.7	8.6	8.1	8.5	9.3	9.0	8.5	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
14	Đặng Hoàng Anh Triết	6.8	5.9	4.8	6.8	5.7	7.2	5.8	5.3	Đạt	Đạt	Đạt	**Đạt**	**Tốt**
15	Dương Tiến Trường	8.3	7.2	5.2	8.1	8.5	8.2	6.8	8.0	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**

GVCN/*Class Teacher*	GĐCTVN/*VP. Manager*	Kiểm tra/*Checked by*
Đỗ Thị Nguyệt	**Phan Thị Phương**	**Văn Thị Thiên Hà**

THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 10, 2025

KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Results for Academic Semester 1 year 2024-2025

Lớp: 9/3
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Toán *Math*	Ngữ văn *Literature*	Ngoại ngữ - Tiếng Anh *Foreign language - English*	GDCD *Civics Education*	Công nghệ *Technology*	Tin học *Computer Science*	Khoa học Tự nhiên *Natural Siences*	Lịch sử và địa lý *History & Geography*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Nghệ thuật *Arts*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp *Vocational & Experiential Learning Activities*	Kết quả xếp loại và thi đua *Ranking*	
													Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Phạm Hoài Anh	8.1	9.0	6.7	9.4	9.9	9.4	8.1	10	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
2	Vũ Quang Anh	10	8.8	8.7	8.6	9.6	9.7	9.0	9.7	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
3	Đào Minh Huy	8.2	9.1	8.6	9.6	9.0	9.2	8.9	9.7	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
4	Lê Tuấn Hưng	8.5	6.3	6.3	8.4	9.0	8.6	7.9	8.9	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
5	Lim Khang	6.4	7.1	5.2	8.0	8.0	7.9	6.5	7.2	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
6	Ngô Vĩnh Khang	9.4	9.4	9.5	9.2	9.5	9.3	9.3	9.7	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
7	Trần Pha My	5.7	7.4	6.0	7.8	7.1	8.7	6.7	6.8	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
8	Đỗ Lạc Châu Nghi	8.0	8.6	9.3	9.3	9.4	9.3	7.6	8.8	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
9	Võ Linh Hương Nguyên	5.5	6.9	8.5	8.7	8.1	8.8	5.9	7.1	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
10	Nguyễn Minh Quân	7.4	6.3	5.3	7.6	8.1	9.0	7.2	8.8	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
11	Lê Trần Quốc Thắng	7.8	7.6	7.7	7.5	8.0	8.1	6.7	7.8	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
12	Phạm Ngọc Anh Thư	8.2	7.4	9.3	8.7	9.0	8.9	7.3	9.1	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
13	Trương Nhơn Tiến	8.0	8.1	7.0	8.0	8.7	8.3	7.4	8.7	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
14	Trần Ngọc Phương Uyên	6.2	8.2	5.7	7.7	9.1	8.5	7.1	9.0	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
15	LÊ QUỲNH NHÃ	8.9	9.3	8.1	9.5	9.9	9.6	9.1	9.8	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**

GVCN/*Class Teacher*	GĐCTVN/*VP. Manager*	Kiểm tra/*Checked by*
Đỗ Thị Kim Hải	**Phan Thị Phương**	**Văn Thị Thiên Hà**